

Số: 15/NQ-HĐND

Khe Tre, ngày 24 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ TRẤN KHE TRE
KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương (hiện hành), (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện khóa VII, kỳ họp thứ 3 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Sau khi xem xét báo cáo số 253/BC-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn về tình hình thực hiện nhiệm vụ tài chính năm 2021 và dự toán ngân sách năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 với các chỉ tiêu sau:

1. Tổng thu ngân sách : 17.283,8 triệu đồng

- Thu ngân sách trên địa bàn: 13.291 triệu đồng

Trong đó: Thu ngân sách thị trấn hưởng theo phân cấp: 3.019 triệu đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách huyện: 3.992,8 triệu đồng, trong đó:

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách: 3.857,3 triệu đồng

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 135,5 triệu đồng

2. Tổng chi ngân sách (đã trừ tiết kiệm): 7.011,8 triệu đồng

(chi tiết đính kèm phụ lục số 01)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND thị trấn Khe Tre có kế hoạch chi ngân sách năm 2022 có hiệu quả, đúng Luật định.

Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp có những vấn đề lớn phát sinh, Ủy ban nhân dân thị trấn cùng Thường trực Hội đồng nhân dân thị trấn xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân thị trấn tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban và các đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn, Mặt trận và các đoàn thể tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết dự toán ngân sách năm 2022 theo lĩnh vực và phạm vi trách nhiệm được pháp luật quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thị trấn Khe Tre Khoá VI, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2021./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND huyện;
- Phòng Tư pháp huyện;
- Đảng uỷ;
- UBND, UBMTTQVN thị trấn;
- Các ban ngành, đoàn thể thị trấn;
- Các Ban HĐND thị trấn;
- Đại biểu HĐND thị trấn;
- Lưu HĐND.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh

PHỤ LỤC 01
DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND
ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thị trấn Khe Tre)

Đvt: Nghìn đồng

STT	Nội Dung	Dự toán
A	TỔNG THU	17.283.800
I	Thu NSNN trên địa bàn	13.291.000
	<i>*Thu ngân sách thị trấn hưởng</i>	<i>3.019.000</i>
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	171.000
a	Phí, lệ phí (không kể lệ phí trước bạ)	27.000
b	Thu khác (thu tại xã)	79.000
c	Lệ phí trước bạ nhà, đất	65.000
2	Các khoản thu theo tỷ lệ	13.120.000
	<i>* Các khoản thu tỷ lệ (phần xã hưởng)</i>	<i>2.848.000</i>
a	Thuế GTGT	678.000
	<i>Trong đó ngân sách thị trấn hưởng</i>	<i>271.200</i>
b	Thuế TNCN	338.000
	<i>Trong đó ngân sách thị trấn hưởng</i>	<i>135.200</i>
c	Tiền sử dụng đất	12.000.000
	<i>Trong đó ngân sách thị trấn hưởng</i>	<i>2.400.000</i>
d	Lệ phí môn bài	104.000
	<i>Trong đó ngân sách thị trấn hưởng</i>	<i>41.600</i>
3	Các khoản thu để lại quản lý qua NSNN (nhân dân đóng góp)	0
4	Phân chia ngân sách	13.291.000
	- Ngân sách huyện hưởng	10.272.000
	- Ngân sách xã hưởng	3.019.000
II	Bổ sung từ ngân sách huyện	3.992.800
1	Bổ sung cân đối ngân sách	3.857.300
2	Bổ sung có mục tiêu	135.500
B	TỔNG CHI (Đã trừ tiết kiệm)	7.011.800
I	Chi đầu tư	2.480.000
1	Từ nguồn sử dụng đất	2.400.000
	<i>Trong đó: công tác đo đạc, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính...</i>	<i>240.000</i>
2	Kinh phí nhà ở 22 (hỗ trợ người có công với cách mạng)	80.000
II	Chi thường xuyên	4.444.300
1	Sự nghiệp kinh tế	36.000
2	Sự nghiệp chi đảm bảo xã hội	53.600
	Hưu xã	22.100

	Cứu tế	31.500
3	SN Giáo dục	18.000
	Trung tâm học tập CĐ	18.000
4	SN Y tế	27.000
5	SN Văn hóa thông tin	59.200
	Văn hóa thông tin	27.000
	Ban vận động toàn dân đoàn kết khu dân cư	25.000
	Khen thưởng gia đình văn hóa tiêu biểu	7.200
6	SN Phát thanh	28.500
	SN Phát thanh	13.500
	Bảo dưỡng hệ thống loa phát thanh	15.000
7	SN Thể dục, thể thao	14.400
8	Chi QLNN, Đảng, Đoàn thể	3.738.200
a	Chi quản lý nhà nước	2.998.976
	Lương theo NĐ 38/NĐ-CP	2.028.700
	Phụ cấp, BH CB không chuyên trách	662.100
	Phụ cấp Cấp ủy	75.100
	Chi hỗ trợ CB làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo QĐ số 24/2017/QĐ-UBND tỉnh	22.800
	Chi hỗ trợ CB làm đầu mối kiểm soát TTHC theo QĐ số 02/2014/QĐ-UBND tỉnh	3.960
	Chi hỗ trợ xử lý đơn thư khiếu nại theo QĐ số 06/2018/QĐ-UBND tỉnh	3.000
	Chi hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo QĐ số 23/2015/QĐ-UBND tỉnh	3.000
	Hỗ trợ chi công tác hòa giải ở cơ sở	15.000
	Phụ cấp HĐND	141.300
	Kinh phí trang bị phòng cháy chữa cháy theo NQ 26/2021/NQ-HĐND	22.500
	Bảo trì hệ thống máy lọc nước	7.000
	Hoạt động của T tra	4.500
	<i>Hoạt động phòng chống bão lụt và tìm kiếm cứu nạn</i>	10.016
b	Chi Ủy Ban Nhân Dân	359.100
	HĐ của bộ phận không chuyên trách	37.800
	Chi phí để lại trong định mức do UBND quản lý	321.300
c	Chi Đảng	70.000
	Hoạt động của Đảng	10.000
	Biên soạn lịch sử Đảng bộ	60.000
d	Chi Hội Đồng Nhân Dân	51.624
	Hoạt động HĐND	51.624
e	Chi Mặt Trận	50.500
	HĐ của các ban CTMT ở tổ dân phố	10.000

	HĐ của Mặt Trận	35.500
	Giám sát đồng tư cộng đồng	5.000
g	Chi hội Nông dân	45.500
	HĐ của các chi hội ở tổ dân phố	10.000
	HĐ của hội	35.500
h	Chi hội Phụ nữ	45.500
	HĐ của các chi hội ở tổ dân phố	10.000
	HĐ của hội	35.500
i	Chi Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	62.500
	HĐ của các chi đoàn ở tổ dân phố	10.000
	HĐ của Đoàn	35.500
	Đại hội Đoàn	17.000
k	Chi hội Cựu chiến binh	54.500
	HĐ của các chi hội ở tổ dân phố	10.000
	HĐ của hội	35.500
	Đại hội CCB	9.000
9	Các tổ chức chính trị xã hội	76.500
	Hội đặc thù cấp xã	71.500
	Hỗ trợ Đại hội khuyết tật cấp xã	5.000
10	Chi khen thưởng lao động tiên tiến	6.600
11	Chi Quốc phòng-An ninh	381.900
	Chi QP-AN theo định mức	0
	- Quốc phòng	50.000
	- An ninh trật tự	40.000
	Phụ cấp dân quân tự vệ	291.900
11	Chi khác	4.400
III	Dự phòng	87.500
	MỘT SỐ CHỈ TIÊU KHÁC	
	Huy động quỹ Đền ơn đáp nghĩa	10.000

